

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Chuẩn đầu ra trình độ đại học đối với các Chương trình đào tạo của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các Trường Đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định 1795/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, nhiệm kỳ 2020 – 2025 ngày 27 tháng 4 năm 2020;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Khảo thí, Bảo đảm chất lượng giáo dục, Thanh tra và Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Chuẩn đầu ra trình độ đại học đối với 28 Chương trình đào tạo của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế. Nội dung của từng Chuẩn đầu ra được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chuẩn đầu ra quy định về các yêu cầu đối với người học phải đạt được khi tốt nghiệp, bao gồm: Nội dung về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường và vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp. Chuẩn đầu ra là bản cam kết của Nhà trường trước xã hội và là cơ sở để sửa

đổi, bổ sung, hoàn thiện các Chương trình đào tạo của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế; cải tiến và đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá trong quá trình đào tạo.

Điều 3. Chuẩn đầu ra của 28 Chương trình đào tạo tại Điều 1 được công bố công khai tại địa chỉ: <https://huaf.edu.vn> và <http://daotao.huaf.edu.vn>.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ban ĐT&CTSV ĐHH;
- HĐT, BGH;
- Lưu: VT, ĐT&CTSV;
KT, BDCLGD, TT&PC.



CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): **Quản lý tài nguyên rừng**
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): **Forest Resources Management**
3. Trình độ đào tạo: **Đại học**
4. Mã ngành đào tạo: **7620211**
5. Đối tượng tuyển sinh: **Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo**
6. Thời gian đào tạo: **4,5 năm**
7. Loại hình đào tạo: **Chính quy**
8. Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **158 tín chỉ**
9. Văn bằng tốt nghiệp: **Kỹ sư**

B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA

I. Mục tiêu đào tạo

1. Mục tiêu chung

Đào tạo người kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý tài nguyên rừng, hiểu và áp dụng được những kiến thức cơ bản và chuyên môn trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên rừng và các chức năng nghiệp vụ khác của rừng, có khả năng làm việc độc lập, có sức khỏe, phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phục vụ nhân dân tốt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức: Sinh viên ra trường hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản và chuyên môn về hệ sinh thái rừng, tính đa dạng sinh học rừng, sự cần thiết bảo tồn tài nguyên rừng, kỹ thuật lâm sinh và công nghệ thông tin trong nghiên cứu, theo dõi, giám sát, đánh giá tài nguyên rừng, cùng với kiến thức về kinh tế- xã hội-môi trường và pháp luật có liên quan để xây dựng phương án quy hoạch, quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên rừng.

Kỹ năng: Sinh viên Quản lý tài nguyên rừng vận dụng được kỹ các năng tổ chức và thực hiện các chương trình điều tra, phân tích đánh giá, quy hoạch và tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên Quản lý tài nguyên rừng thực hiện làm việc và học tập một cách tự chủ, tự học và tự nghiên cứu. Hiểu biết và hành xử đúng đắn các tiêu chuẩn về đạo đức cá nhân và nghề nghiệp. Thực hiện tốt tinh thần

đoàn kết, chia sẻ với các bên có liên quan trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng, phát triển kinh tế xã hội vùng rừng với cộng đồng các dân tộc khác nhau.

II. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

1. Kiến thức (PLO1)

- **PLO1.1.** Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật; giáo dục thể chất (chứng chỉ); quốc phòng – an ninh (chứng chỉ); công nghệ thông tin (chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản) vào công việc thực tiễn của một kỹ sư ngành Quản lý tài nguyên rừng.

- **PLO1.2.** Vận dụng kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và môi trường làm nền tảng công cụ để giải quyết các vấn đề trong công việc thực tiễn của một kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng một cách khoa học và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của thời đại công nghiệp 4.0.

- **PLO1.3.** Hiểu và áp dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước, pháp luật và công nghệ thông tin cơ bản làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành lâm nghiệp và phát triển nông thôn miền núi.

- **PLO1.4.** Hiểu và áp dụng được các kiến thức về thành phần, nguyên lý, cơ chế, cấu trúc, hệ thống, động thái, quy luật phổ biến của tài nguyên - môi trường rừng và tài nguyên đa dạng sinh học.

- **PLO1.5.** Phân tích và áp dụng kiến thức điều tra, phân tích, đánh giá hiện trạng tài nguyên rừng, quy hoạch, thiết kế và đề xuất các giải pháp khả thi trong bảo vệ và phát triển rừng.

- **PLO1.6.** Phân tích và vận dụng được kiến thức Luật lâm nghiệp và cơ sở kỹ thuật lâm nghiệp vào thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng.

- **PLO1.7.** Hiểu và áp dụng được các kiến thức hỗ trợ về tiếp cận cộng đồng, khuyến lâm, chuyển giao công nghệ và nghiên cứu khoa học trong quản lý tài nguyên rừng.

2. Kỹ năng (PLO2)

- **PLO2.1.** Kỹ năng xác định, lựa chọn các giải pháp giải quyết và cải thiện các vấn đề liên quan đến công việc thực tiễn ngành Quản lý tài nguyên rừng một cách phù hợp.

- **PLO2.2.** Xây dựng đề cương, thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực chuyên môn; phân tích dữ liệu, diễn giải và truyền đạt các kết quả thực hiện, đánh giá chất lượng và hiệu quả công việc.

Vu/

- **PLO2.3.** Kỹ năng tạo ra ý tưởng, phát triển khởi nghiệp như một chủ doanh nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong môi trường nghề nghiệp luôn thay đổi.

- **PLO2.4.** Có năng lực bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (Chứng chỉ B1 tiếng Anh hoặc tương đương).

- **PLO2.5.** Phân loại được các loại rừng, đất rừng, thực vật rừng, động vật rừng, côn trùng rừng, vi sinh vật rừng có ích, sinh vật hại rừng, các loại lâm sản, đặc sản rừng, các giá trị, các nhân tố ảnh hưởng và các mối đe dọa đến tài nguyên và môi trường rừng.

- **PLO2.6.** Sử dụng thành thạo các phương pháp tiếp cận cộng đồng, đặc biệt là GIS, Viễn thám, các công cụ hỗ trợ và một số phần mềm chuyên dụng trong theo dõi, giám sát diễn biến tài nguyên rừng.

- **PLO2.7.** Sử dụng thành thạo các bộ công cụ chuyên môn trong phân tích, đánh giá kết quả trong thực nghiệm khoa học, điều tra chuyên ngành, đánh giá giá tác động môi trường, quản lý rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và xử lý vi phạm pháp luật lâm nghiệp.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (PLO3)

- **PLO3.1.** Thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội của một công dân trong thể chế đang sống và làm việc với bối cảnh toàn cầu hoá.

- **PLO3.2.** Thực hiện làm việc, học tập một cách độc lập hoặc theo nhóm, hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả trong bối cảnh thay đổi thường xuyên của công việc.

- **PLO3.3.** Thực hành được các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của một kỹ sư ngành Quản lý tài nguyên rừng.

- **PLO3.4.** Tổ chức và thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến quản lý tài nguyên rừng, đề xuất được những sáng kiến, cải tiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm từ thực tiễn và tài liệu chuyên môn;

- **PLO3.5.** Đánh giá và phản biện được các hoạt động hay vấn đề liên quan đến quản lý bảo vệ tài nguyên rừng.

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Học xong chương trình, sinh viên tiếp tục tự học tập, cập nhật kiến thức và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực Lâm nghiệp để đáp ứng yêu cầu đối với một cán bộ quản lý tài nguyên rừng ngày càng tăng trong thời đại 4.0.

Thu

- Có khả năng học tiếp các chương trình đào tạo bằng 2, chương trình cao học, nghiên cứu sinh trong nước hoặc tham gia các chương trình du học sau đại học ở nước ngoài.

IV. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Cán bộ Kiểm lâm và Cảnh sát môi trường tại các đơn vị ở khu vực miền Trung và trong cả nước.

- Cán bộ tại các cơ quan quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ như các Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên, Khu bảo tồn loài và sinh cảnh, Khu dự trữ sinh quyển, Ban quản lý rừng phòng hộ và các Công ty lâm nghiệp.

- Cán bộ tại các cơ quan nhà nước về quản lý tài nguyên rừng và môi trường các cấp như sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Chi cục kiểm lâm tỉnh, Hạt kiểm lâm huyện và kiểm lâm xã, Quỹ phát triển và bảo vệ rừng, Viện/ Phân viện Điều tra và Quy hoạch rừng, Trung tâm và trạm khuyến nông, Phòng Nông nghiệp, Công an môi trường, Cục Kiểm lâm, Tổng cục Lâm nghiệp, Vụ Khoa học và công nghệ, Cục bảo tồn đa dạng sinh học và các Sở và Bộ khác có liên quan.

- Cán bộ giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, viện, trung tâm nghiên cứu có giảng dạy và nghiên cứu về lâm nghiệp và phát triển nông thôn.

- Nhân viên của các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn rừng, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên như tổ chức WWF (Quỹ quốc tế bảo tồn thiên nhiên), SNV (Cơ quan phát triển Hà Lan), IUCN (Liên minh bảo tồn thiên nhiên Quốc tế), ICRAF (Trung tâm nghiên cứu quốc tế trong lĩnh vực Nông lâm kết hợp), ENV (Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên), tổ chức Quốc tế Birdlife.

- Thực tập sinh tại các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Israel và các nước khác.

Vn/